

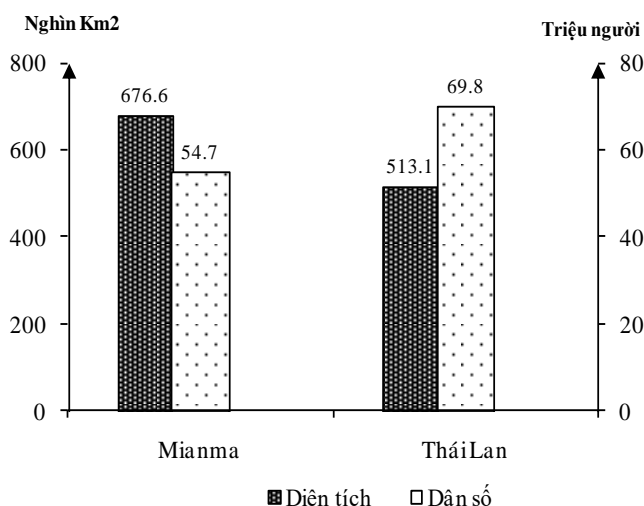
**Câu 41:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Nông nghiệp, cho biết tỉnh nào sau đây có số lượng gia cầm nhiều nhất?

- A. Yên Bái.                      B. Hòa Bình.                      C. Thanh Hóa.                      D. Ninh Bình.

**Câu 42:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết vùng khí hậu nào sau đây ít chịu ảnh hưởng của bão?

- A. Đông Bắc Bộ.                      B. Bắc Trung Bộ.                      C. Nam Bộ.                      D. Nam Trung Bộ.

**Câu 43:** Cho biểu đồ:



**DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MI-AN-MA VÀ THÁI LAN NĂM 2020**

(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về dân số, mật độ dân số của Mi-an-ma và Thái Lan?

- A. Mật độ dân số Thái Lan cao hơn Mi-an-ma.                      B. Mi-an-ma có mật độ cao hơn Thái Lan.  
C. Số dân của Thái Lan ít hơn Mi-an-ma.                      D. Số dân của Mi-an-ma gấp đôi Thái Lan.

**Câu 44:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Bắc Trung Bộ, cho biết khu kinh tế ven biển Hòn La thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Quảng Bình.                      B. Quảng Trị.                      C. Thừa Thiên Huế.                      D. Hà Tĩnh.

**Câu 45:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có giá trị sản xuất công nghiệp nhỏ nhất?

- A. Biên Hòa.                      B. Cà Mau.                      C. Đà Nẵng.                      D. Sóc Trăng.

**Câu 46:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, Vùng Tây Nguyên, cho biết tỉnh nào trồng nhiều cao su nhất trong các tỉnh sau đây?

- A. Gia Lai.                      B. Đắk Nông.                      C. Kon Tum.                      D. Đắk Lắk.

**Câu 47:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, cho biết sông nào sau đây chảy theo hướng vòng cung

- A. Sông Hồng.                      B. Sông Lục Nam.                      C. Sông Đà.                      D. Sông Gianh.

**Câu 48:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Trung du và miền núi Bắc Bộ, Vùng Đồng bằng sông Hồng, cho biết khu kinh tế ven biển nào sau đây thuộc vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Vân Đồn.                      B. Nghi Sơn.                      C. Vũng Áng.                      D. Đình Vũ - Cát Hải.

**Câu 49:** Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang Hành chính, cho biết tỉnh nào sau đây nằm ở vĩ độ cao nhất?

- A. Nghệ An.                      B. Hà Tĩnh.                      C. Hoà Bình.                      D. Lai Châu.

**Câu 50:** Khó khăn chủ yếu về tự nhiên đối với phát triển cây công nghiệp ở Đông Nam Bộ là

- A. xâm nhập mặn sâu.                      B. thiếu nước mùa khô.                      C. rét đậm rét hại.                      D. mùa mưa kéo dài.

**Câu 51:** Cho bảng số liệu:

**DÂN SỐ VÀ GDP CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA NĂM 2020**

<b>Quốc gia</b>	<b>Thái Lan</b>	<b>Ma-lai-xi-a</b>	<b>Phi-lip-pin</b>	<b>In-đô-nê-xi-a</b>
Dân số (Triệu người)	66,5	32,8	109,6	271,7
GDP (Triệu đô la Mỹ)	501644	337006	361489	1058424

*(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)*

Theo bảng số liệu, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh GDP bình quân đầu người giữa các quốc gia năm 2020?

- A.** Phi-lip-pin cao hơn In-đô-nê-xi-a.
- B.** In-đô-nê-xi-a cao hơn Thái Lan.
- C.** Thái Lan cao hơn Ma-lai-xi-a.
- D.** Ma-lai-xi-a cao hơn Phi-lip-pin.

**Câu 52:** Miền núi nước ta thường xảy ra

- A.** trượt lở đất.
- B.** sạt lở bờ biển.
- C.** cát bay cát chảy.
- D.** nhiễm mặn đất.

**Câu 53:** Nguyên tắc sử dụng rừng phòng hộ của nước ta là

- A.** trồng rừng trên đất trống, đồi núi trọc.
- B.** bảo vệ cảnh quan, đa dạng sinh vật.
- C.** duy trì độ phì, chất lượng đất rừng.
- D.** phát triển diện tích, chất lượng rừng.

**Câu 54:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Kinh tế chung, cho biết trung tâm kinh tế nào sau đây thuộc tỉnh Bình Định?

- A.** Vinh.
- B.** Nha Trang.
- C.** Huế.
- D.** Quy Nhơn.

**Câu 55:** Hoạt động công nghiệp của nước ta hiện nay

- A.** tập trung ở hải đảo.
- B.** chỉ có ở thành phố.
- C.** đều khắp ở đồi núi.
- D.** phát triển đa ngành.

**Câu 56:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các ngành công nghiệp trọng điểm, cho biết nhà máy nhiệt điện nào sau đây có công suất nhỏ nhất?

- A.** Phú Mỹ.
- B.** Cà Mau.
- C.** Uông Bí.
- D.** Phả Lại.

**Câu 57:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Đông Nam Bộ, Vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cho biết trâu được nuôi nhiều ở tỉnh nào sau đây?

- A.** Đồng Nai.
- B.** Bình Phước.
- C.** Trà Vinh.
- D.** Cà Mau.

**Câu 58:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Dân số, cho biết tỉnh nào trong các tỉnh sau đây có mật độ dân số cao nhất?

- A.** Bình Dương.
- B.** Gia Lai.
- C.** Lai Châu.
- D.** Lào Cai.

**Câu 59:** Cơ sở nhiên liệu chủ yếu cho các nhà máy nhiệt điện ở miền Nam nước ta là

- A.** sóng biển.
- B.** dầu khí.
- C.** than bùn.
- D.** thủy triều.

**Câu 60:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết đường số 9 nối Đông Hà với cửa khẩu nào sau đây?

- A.** Cha Lo.
- B.** Năm Căn.
- C.** Cầu Treo.
- D.** Lao Bảo.

**Câu 61:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên, cho biết các vịnh biển Cam Ranh thuộc tỉnh nào sau đây?

- A.** Quảng Bình.
- B.** Quảng Ngãi.
- C.** Khánh Hoà.
- D.** Quảng Ninh.

**Câu 62:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết tài nguyên du lịch nào sau đây là di sản văn hóa thế giới?

- A.** Phong Nha - Kẻ Bàng.
- B.** Bến Ninh Kiều.
- C.** Phố cổ Hội An.
- D.** Vịnh Hạ Long.

**Câu 63:** Cơ cấu công nghiệp theo thành phần kinh tế nước ta

- A.** phát triển nhiều thành phần kinh tế.
- B.** hình thành những khu công nghệ cao.
- C.** tăng tỉ trọng công nghiệp chế biến.
- D.** chú trọng sản phẩm cạnh tranh về giá.

**Câu 64:** Dân cư thành thị nước ta hiện nay

- A.** có tỉ trọng lớn trong cơ cấu dân số.
- B.** mật độ cao hơn dân số nông thôn.
- C.** giữ nguyên số lượng qua mỗi năm.
- D.** gia tăng giống nhau ở các đô thị.

**Câu 65:** Hoạt động thăm dò dầu khí ở nước ta hiện nay

- A.** thúc đẩy việc tìm kiếm các mỏ mới.
- B.** phục vụ hoạt động xuất khẩu dầu thô.
- C.** hình thành các nhà máy lọc hóa dầu.
- D.** chỉ tập trung ở thềm lục địa phía bắc.

**Câu 66:** Lao động nước ta hiện nay

- A.** phần lớn có mức thu nhập rất cao.
- B.** tập trung chủ yếu ở khu vực dịch vụ.

- C. chưa đáp ứng được yêu cầu việc làm. D. hầu hết có chuyên môn kỹ thuật cao.
- Câu 67:** Cây ăn quả của nước ta hiện nay  
A. cung cấp nguyên liệu cho chế biến. B. chỉ phục vụ nhu cầu ở trong nước.  
C. hoàn toàn có nguồn gốc nhiệt đới. D. phần lớn được trồng ở vùng ven biển.
- Câu 68:** Vận tải đường biển ở nước ta hiện nay  
A. chỉ phát triển các tuyến đường biển nội địa. B. có khối lượng vận chuyển hàng hóa lớn nhất.  
C. tuyến ven bờ chủ yếu là hướng bắc - nam. D. không ảnh hưởng đến các ngành kinh tế khác.
- Câu 69:** Hoạt động nuôi trồng thủy sản của nước ta hiện nay  
A. chưa đa dạng về đối tượng nuôi trồng. B. tỉ trọng nuôi trồng ngày càng giảm.  
C. các vùng nước ngọt chủ yếu nuôi tôm. D. chịu sự chi phối của nhân tố thị trường.
- Câu 70:** Nước ta nằm trong khu vực nội chí tuyến nên  
A. lượng mưa lớn với độ ẩm cao. B. tài nguyên sinh vật phong phú.  
C. Mậu dịch hoạt động quanh năm. D. sự phân hóa thiên nhiên đa dạng.
- Câu 71:** Giải pháp chủ yếu nâng cao giá trị kinh tế cây hồ tiêu ở Tây Nguyên  
A. phát triển giao thông, mở rộng thị trường. B. đẩy mạnh chế biến, tăng cường xuất khẩu.  
C. sử dụng giống tốt, đa dạng hóa cây trồng. D. sản xuất chuyên canh, phát triển thủy lợi.
- Câu 72:** Cho bảng số liệu sau:

**GIÁ TRỊ XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HÓA CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2022**  
(Đơn vị: USD)

Năm	2010	2016	2019	2022
Xuất khẩu	72.236,7	176.580,8	264.267,2	371.304,2
Nhập khẩu	84.838,6	174.978,4	253.696,5	358.901,9

*Nguồn Niên giám thống kê 2022, Nhà xuất bản Thống kê 2023)*

Theo bảng số liệu, để thể hiện sự so sánh giá trị xuất khẩu và giá trị nhập khẩu hàng hóa của nước ta giai đoạn 2010 - 2022, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

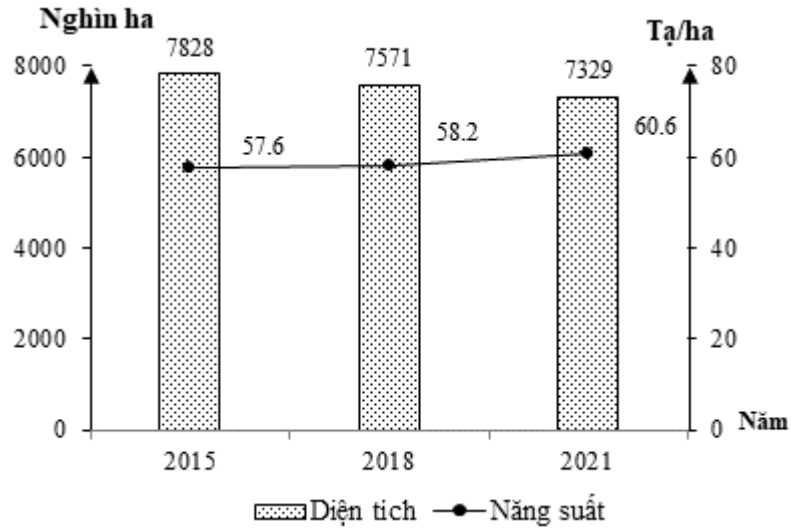
- A. Tròn. B. Cột. C. Đường. D. Kết hợp.
- Câu 73:** Giải pháp chủ yếu sử dụng hiệu quả đất nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long là  
A. bố trí cây trồng hợp lý, phát triển thủy lợi. B. quy hoạch, đẩy mạnh nông sản xuất khẩu.  
C. tăng vụ, phát triển lợi thế của các khu vực. D. đẩy mạnh cơ giới hóa, mở rộng diện tích.
- Câu 74:** Giải pháp chủ yếu đẩy nhanh phát triển công nghiệp ở Bắc Trung Bộ là  
A. đầu tư cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật, mở rộng thị trường.  
B. đổi mới khoa học và công nghệ, đào tạo lao động, thu hút đầu tư.  
C. mở rộng cảng biển, hình thành các khu công nghiệp, khu kinh tế.  
D. đào tạo nguồn lao động, đầu tư theo chiều sâu, bảo vệ môi trường.
- Câu 75:** Nhân tố chủ yếu tác động đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành ở Đồng bằng sông Hồng là  
A. dân cư tập trung đông, cơ sở hạ tầng khá tốt. B. công nghiệp hóa mạnh, lao động có trình độ.  
C. đô thị hóa phát triển, thị trường tiêu thụ rộng. D. tự nhiên thuận lợi, thu hút nhiều vốn đầu tư.
- Câu 76:** Vùng Tây Nguyên có thời gian bắt đầu mùa mưa và mùa khô khác với vùng Nam Trung Bộ chủ yếu do tác động của  
A. gió Tây, dãy núi Trường Sơn Nam, gió mùa Tây Nam, dải hội tụ nhiệt đới.  
B. gió mùa Tây Nam, gió mùa Đông Bắc, hướng của dãy núi Trường Sơn, bão.  
C. gió đông bắc, địa hình, khối khí nóng ẩm từ Bắc Ấn Độ Dương, vị trí địa lí.  
D. Tín phong bán cầu Bắc, vị trí địa lí, gió phơn Tây Nam, dải hội tụ nhiệt đới.
- Câu 77:** Mục đích chủ yếu của việc phát triển khu kinh tế cảng biển ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là  
A. thu hút lao động kỹ thuật, đẩy mạnh công nghiệp hoá, phân bố lại dân cư.  
B. mở rộng liên kết, tiền đề cho khu công nghiệp, phát triển kinh tế hàng hoá.  
C. phát triển nền kinh tế mở, tăng vận chuyển nội địa, đa dạng hoá sản phẩm.  
D. tăng năng lực vận tải, giải quyết nhiều việc làm, thu hút lao động kỹ thuật.
- Câu 78:** Cơ cấu hàng nhập khẩu của nước ta ngày càng đa dạng chủ yếu do

- A. đô thị hóa phát triển, hội nhập toàn cầu rộng.      B. liên doanh với các nước, thị trường mở rộng.  
 C. các ngành sản xuất phát triển, mức sống tăng.      D. hiện đại hóa, công nghiệp hóa được thúc đẩy.

**Câu 79:** Ý nghĩa chủ yếu của các khu kinh tế ven biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. thu hút đầu tư, tạo nguồn sản phẩm xuất khẩu.  
 B. hình thành đô thị, giải quyết vấn đề việc làm.  
 C. mở rộng ngoại thương, khai thác các nguồn lực.  
 D. thu hút vốn đầu tư, chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

**Câu 80:** Cho biểu đồ về diện tích và năng suất lúa của nước ta giai đoạn 2015 -2021:



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2021, NXB Thống kê, 2022)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Tốc độ và cơ cấu diện tích, năng suất lúa.  
 B. Khối lượng và cơ cấu diện tích, năng suất lúa.  
 C. Quy mô và thay đổi quy mô diện tích, năng suất lúa.  
 D. Quy mô và chuyển dịch cơ cấu diện tích, năng suất lúa.

----- HẾT -----

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam.  
 - Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

## HƯỚNG DẪN GIẢI

CÂU	GIẢI	ĐÁP ÁN
41	- Tỉnh Thanh Hoá có số lượng gia cầm nhiều nhất.	<b>C</b>
42	- Nam Bộ	<b>C</b>
43	- Mật độ dân số Thái Lan cao hơn Mi-an-ma.	<b>A</b>
44	- Quảng Bình	<b>A</b>
45	- Sóc Trăng	<b>D</b>
46	- Gia Lai	<b>A</b>
47	- Sông Lục Nam	<b>B</b>
48	- Vân Đồn	<b>A</b>
49	- Lai Châu	<b>D</b>
50	- Khó khăn chủ yếu về tự nhiên đối với phát triển cây công nghiệp ở Đông Nam Bộ là thiếu nước vào mùa khô	<b>B</b>
51	- Theo bảng số liệu, nhận xét đúng khi so sánh GDP bình quân đầu người giữa các quốc gia năm 2020 là Ma-lai-xi-a cao hơn Phi-lip-pin.	<b>D</b>
52	- Miền núi nước ta thường xảy ra trượt lở đất.	<b>A</b>
53	- Nguyên tắc sử dụng rừng phòng hộ của nước ta là trồng rừng trên đất trống, đồi núi trọc.	<b>A</b>
54	- Quy Nhơn	<b>D</b>
55	- Hoạt động công nghiệp của nước ta hiện nay phát triển đa ngành	<b>D</b>
56	- Uông Bí.	<b>C</b>
57	- Bình Phước	<b>B</b>
58	- Bình Dương	<b>A</b>
59	- Dầu khí	<b>B</b>
60	- Lao Bảo	<b>D</b>
61	- Khánh Hoà	<b>C</b>
62	- Phố Cổ Hội An	<b>C</b>
63	- Cơ cấu công nghiệp theo thành phần kinh tế nước ta phát triển nhiều thành phần kinh tế.	<b>A</b>
64	- Dân cư thành thị nước ta hiện nay mật độ cao hơn dân số nông thôn.	<b>B</b>
65	- Hoạt động thăm dò dầu khí ở nước ta hiện nay thúc đẩy việc tìm kiếm các mỏ mới.	<b>A</b>
66	- Lao động nước ta hiện nay chưa đáp ứng được yêu cầu việc làm.	<b>C</b>
67	- Cây ăn quả của nước ta hiện nay cung cấp nguyên liệu cho chế biến.	<b>A</b>
68	- Vận tải đường biển ở nước ta hiện nay các tuyến ven bờ chủ yếu là hướng bắc – nam, trong đó quan trọng nhất là tuyến Hải Phòng- TP Hồ Chí Minh	<b>C</b>
69	- Hoạt động nuôi trồng thủy sản của nước ta hiện nay chịu sự chi phối của nhân tố thị trường.	<b>D</b>
70	- Nước ta nằm trong khu vực nội chí tuyến nên gió Mậu dịch hoạt động quanh năm.	<b>C</b>
71	- Giải pháp chủ yếu nâng cao giá trị kinh tế cây hồ tiêu ở Tây Nguyên là đẩy mạnh chế biến, tăng cường xuất khẩu.	<b>B</b>
72	- Theo bảng số liệu, để thể hiện sự so sánh giá trị xuất khẩu và giá trị nhập khẩu hàng hóa của nước ta giai đoạn 2010 - 2022, dạng biểu đồ cột là thích hợp nhất.	<b>B</b>
73	- Giải pháp chủ yếu sử dụng hiệu quả đất nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long là bố trí cây trồng hợp lí, phát triển thủy lợi.	<b>A</b>